

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày 03 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST-KDTM ngày 30/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc. Trụ sở: đường N, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Bà Huỳnh Bích P, sinh năm 1984 - Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Gia Lai. Địa chỉ: đường t, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo Giấy ủy quyền số: 273/GUQ-CNGL ngày 10/12/2019).

- Bị đơn: Ông Đào Xuân N, sinh năm 1984 và bà Phan Thị P, sinh năm 1989. Địa chỉ: xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Điều vắng mặt, Tòa án triệu tập họp lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP S (sau đây còn gọi là nguyên đơn) - thông qua Chi nhánh Gia Lai có cho ông Đào Xuân N, sinh năm 1984 và bà Phan Thị P, sinh năm 1989;

địa chỉ: xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (sau đây còn gọi là bị đơn) vay tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 với số tiền 250.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng thỏa thuận: Thời hạn vay là 12 tháng (từ 12/01/2019 đến 12/01/2020), mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay khi ký hợp đồng 11,4%/năm, thời hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ, thời hạn trả lãi hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 92/2018/CN-GL được công chứng ngày 31/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 92A/2019/CN-GL được công chứng ngày 11/01/2019. Tính đến ngày 19/08/2019 bị đơn mới trả được cho nguyên đơn số tiền lãi là 16.432.000 đồng, sau đó không trả nợ nữa. Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi như đã cam kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 tính đến ngày 03/9/2020 với tổng số tiền là 290.556.589 đồng, gồm: Nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.180.054 đồng, nợ lãi quá hạn 27.406.850 đồng, lãi phạt chậm trả 969.685 đồng. Trường hợp bị đơn không trả hết nợ gốc và lãi nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ xử lý tài sản do bị đơn thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP S (còn gọi là nguyên đơn) - thông qua Chi nhánh Gia Lai còn có cho bà Phan Thị P, sinh năm 1989 (còn gọi là bị đơn) vay số tiền 15.000.000 đồng theo hình thức cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1236817 ngày 13/01/2019. Theo đó, thời hạn vay không xác định thời hạn, hàng tháng người vay phải trả nợ gốc và lãi là 5% số tiền đã vay cho đến khi hết nợ, lãi suất vay 1,60%/tháng, tính đến ngày 22/8/2019 bị đơn mới trả được số tiền 1.402.000 đồng sau đó không trả nợ nữa. Tính đến ngày 03/9/2020 bị đơn còn nợ tổng số tiền là 17.689.049 đồng, gồm: Nợ gốc 14.440.709 đồng, nợ lãi trong hạn 2.189.516 đồng, nợ lãi quá hạn 1.094.824 đồng. Trường hợp bị đơn không trả hết nợ gốc và lãi nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án để xem xét.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Do các hợp đồng tín dụng thể hiện mục đích vay tiêu dùng, do đó Tòa án nhân dân huyện Đ đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp Kinh doanh thương mại là không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ vụ án trên là tranh chấp Dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:
- + Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- + Buộc bị đơn chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.
- + Buộc nguyên đơn chịu chi phí tố tụng về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 và theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 1236817 ngày 13/01/2019 thấy rằng bị đơn có địa chỉ tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nhận thấy bị đơn vay tiền với mục đích tiêu dùng và bị đơn không có giấy đăng ký kinh doanh nhưng khi thụ lý vụ án Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp Kinh doanh thương mại là không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp vụ án này là tranh chấp Dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án sẽ xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

[2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt và không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 và các tài liệu khác do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ, thể hiện như sau: Ngân hàng TMCP S (sau đây còn gọi là nguyên đơn) - thông qua Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Gia Lai có cho ông Đào Xuân N, sinh năm 1984 và bà Phan Thị P vay số tiền là: 250.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng thỏa thuận: Thời hạn vay là 12 tháng (từ 12/01/2019 đến 12/01/2020), mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay khi ký hợp đồng 11,4%/năm (có điều chỉnh lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ), thời hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ, thời hạn trả lãi hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 92/2018/CN-GL được công chứng ngày 31/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 92A/2019/CN-GL được công chứng ngày 11/01/2019, cụ thể tài sản là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 425838, thửa đất số 310a, diện tích 660m², địa chỉ thửa đất tại xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do UBND huyện Đ cấp ngày 21/3/2007, đã được ông Đào Xuân Nam và bà Phan Thị P nhận chuyển nhượng và đã được Chi nhánh Văn Phòng đăng ký huyện Đ xác nhận chỉnh lý sang tên trang 4 vào ngày 11/01/2018 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Tính đến ngày 19/08/2019 ông N và bà P mới trả được cho nguyên đơn số tiền lãi là 16.432.000 đồng, sau đó không trả nợ nữa. Do ông N và bà P vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi như đã cam kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh tại tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 tính đến ngày 03/9/2020 với tổng số tiền là 290.556.589 đồng, gồm: Nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.180.054 đồng, nợ lãi quá hạn 27.406.850 đồng, lãi phạt chậm trả 969.685 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn yêu cầu, trường hợp ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P không trả hết nợ gốc và lãi nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ xử lý tài sản do ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ngoài ra, Ngân hàng TMCP S (còn gọi là nguyên đơn) - thông qua Chi nhánh Gia Lai còn có cho bà Phan Thị P, sinh năm 1989 (còn gọi là bị đơn) vay số tiền 15.000.000 đồng theo hình thức cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1236817 ngày 13/01/2019. Theo đó, các bên thỏa thuận thời hạn vay không xác định thời hạn, hàng tháng người vay phải trả nợ gốc và lãi là 5% số tiền đã vay cho đến khi hết nợ, lãi suất vay 1,60%/tháng, tính đến ngày 22/8/2019 bị đơn chỉ trả được số tiền 1.402.000 đồng sau đó không trả nợ nữa. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên nguyên đơn yêu cầu bà Phan Thị Phương trả nợ gốc và lãi phát sinh nêu trên tính đến ngày 03/9/2020 với tổng số tiền là 17.689.049 đồng, gồm: Nợ gốc 14.440.709 đồng, nợ lãi trong hạn 2.189.516 đồng, nợ lãi quá hạn 1.094.824 đồng. Trường hợp bị đơn không trả hết nợ gốc và lãi nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ thi hành án theo quy định của pháp luật là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Ngoài số tiền lãi nợ lãi tính đến ngày 03/9/2020 như đã nêu trên thì ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P còn phải tiếp tục chịu lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, bà Phan Thị P tiếp tục chịu lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1236817 ngày 13/01/2019 kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự của vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng:

Căn cứ Khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng về việc yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng để xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn có nghĩa vụ trả thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (còn gọi nguyên đơn).

1.1. Buộc ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 tính đến ngày 03/9/2020 với tổng số tiền là 290.556.589 đồng, gồm: Nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.180.054 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.406.850 đồng, lãi phạt chậm trả 969.685 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, ông Đào Xuân Nam và bà Phan Thị Phương còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P không thanh toán hết nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 tính đến ngày 03/9/2020 với tổng số tiền là 290.556.589 đồng cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản do ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 92/2018/CN-GL được công chứng ngày 31/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 92A/2019/CN-GL được công chứng ngày 11/01/2019 để thu hồi nợ, cụ thể tài sản là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 425838, thửa đất số 310a, diện tích 660m², địa chỉ thửa đất tại xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do UBND huyện Đ cấp ngày 21/3/2007, đã được ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P nhận chuyển nhượng và đã được Chi nhánh Văn Phòng đăng ký huyện Đ xác nhận chỉnh lý sang tên trang 4 vào ngày 11/01/2018 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

1.2. Buộc bà Phan Thị P thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ gốc và lãi phát sinh tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1236817 ngày 13/01/2019 tính đến ngày 03/9/2020 với tổng số tiền là 17.689.049 đồng, gồm: Nợ gốc 14.440.709 đồng, nợ lãi trong hạn 2.189.516 đồng, nợ lãi quá hạn 1.094.824 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bà Phan Thị Phương còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1236817 ngày 13/01/2019 kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà Phan Thị P không thanh toán hết nợ gốc và lãi phát sinh tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1236817 ngày 13/01/2019 tính đến ngày 03/9/2020 với tổng số tiền là 17.689.049 đồng cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số: LD1802900115 ngày 29/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng LD1802900115 ngày 29/01/2018-01 với số tiền (làm tròn số) là 14.527.830 đồng.

- Buộc bà Phan Thị Phương phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm phát sinh tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1236817 ngày 13/01/2019 với số tiền (làm tròn số) là 884.452 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.840.389 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005289 ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Về chi phí tố tụng:

Căn cứ Khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Buộc Ngân hàng TMCP S phải chịu chi phí tố tụng về việc yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Buộc ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng để xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Đào Xuân N và bà Phan Thị P có nghĩa vụ trả thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Xuân Hòa